

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2024

V/v Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tô Thị Lợi.

Ông Nguyễn Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Sắc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Bị đơn: Anh Trịnh Tiên M, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 18 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Tiên M được tự do tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Ngày 16-9-2002, chị và anh M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã S (nay là xã B), huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng bình thường. Đến năm 2005, anh M thường xuyên uống rượu, chửi, đánh vợ và các con. Năm 2019, chị đã gửi đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Khi Toà án tiến hành hoà giải, anh M đã hứa sẽ sửa đổi bản thân, cho anh cơ hội để tiếp tục cuộc sống vợ chồng, nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, anh M lại tiếp tục uống rượu ngày càng nhiều hơn. Mỗi lần say rượu anh đánh, đuổi vợ, con, đập phá đồ trong gia đình, mang xe máy đi bán. Vợ, chồng đã sống ly thân nhiều lần. Nhưng vì thương con nên tôi lại chung sống với anh M. Tuy nhiên, trong những ngày sống chung với anh M, chị và con luôn hoảng loạn tinh thần, con học tập giảm sút, có biểu hiện bệnh trầm cảm. Do đó, chị đã quyết ly thân với anh M từ tháng 6 năm 2023. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M. Do đó, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Tiến M.

Về con chung: Chị và anh Trịnh Tiến M có 02 (hai) con chung là anh Trịnh Quốc H1, sinh ngày 08-5-2002 (hiện đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động) và cháu Trịnh Thị Bích N, sinh ngày 18-11-2009. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trịnh Thị Bích N; không yêu cầu giải quyết đối với anh Trịnh Quốc H1. Anh Trịnh Tiến M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Thị Bích N.

Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết, anh Trịnh Tiến M đã nhận được văn bản tố tụng của Toà án. Nhưng anh M không có mặt tại trụ sở Toà án để viết bản tự khai, đề Toà án tiến hành lấy lời khai theo như yêu cầu của các văn bản tố tụng Toà án. Do đó, Toà án đã tiến hành xác minh và xác định được anh M và chị H đã sống ly thân khoảng 02 (hai) năm nay do có mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh M vẫn không có mặt tại trụ sở Toà án để thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự. Chị H có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải. Do đó, vụ án không tiến hành hoà giải được, Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H và anh Trịnh Tiến M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên có căn cứ giải quyết cho ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị giải quyết cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Trịnh Tiến M. Về con chung: Để đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp với nguyện vọng của con, căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hoàng Thị H được quyền nuôi con là cháu Trịnh Thị Bích N cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trịnh Tiến M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Thị Bích N. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Do anh Trịnh Quốc H1 đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không có, nên đề nghị không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Trịnh Tiến M cư trú tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định của các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Bị đơn anh Trịnh Tiến M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Trịnh Tiến M kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Khi kết hôn đảm bảo các điều kiện về kết hôn và có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã S (nay là xã B), huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 16 tháng 9 năm 2002. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H và anh Trịnh Tiến M là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Do quan hệ hôn nhân giữa anh chị Hoàng Thị H và anh Trịnh Tiến M là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Hoàng Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định của khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, sau một thời gian chung sống, đến năm 2005 anh M hay uống rượu rồi chửi, đánh vợ, con nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Năm 2019, chị H đã gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Khi Tòa án tiến hành hoà giải, anh M đã hứa sẽ sửa đổi bản thân, cho anh cơ hội để tiếp tục cuộc

sống vợ chồng, nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, anh M lại tiếp tục uống rượu ngày càng nhiều hơn. Mỗi lần say rượu anh M lại đánh, đuổi vợ, con, đập phá đồ trong gia đình, mang xe máy đi bán. Vợ, chồng đã sống ly thân nhiều lần. Trong những ngày sống chung với anh M, chị H và con luôn hoảng loạn tinh thần, con học tập giảm sút, có biểu hiện bệnh trầm cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay. Do đó, có căn cứ xác định anh Trịnh Tiến M đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H về việc yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Tiến M.

[5] Về con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Trịnh Tiến M có 02 (hai) con chung là anh Trịnh Quốc H1, sinh ngày 08-5-2002 và cháu Trịnh Thị Bích N, sinh ngày 18-11-2009. Cháu Trịnh Thị Bích N đang ở cùng chị H và có nguyện vọng được ở với chị H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp với nguyện vọng của cháu N, Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Trịnh Tiến M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N. Do chị H không yêu cầu anh M phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N. Hiện anh Trịnh Quốc H1 đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Hoàng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Trịnh Tiến M.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị H là người được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trịnh Thị Bích N, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2009 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Cháu Trịnh Thị Bích N đang ở cùng chị Hoàng Thị H. Anh Trịnh Tiến M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trịnh Tiến M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Hoàng Thị H đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001608 ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- UBND X. Bình Trung, H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp